BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỒNG NAI
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

Số: 300318.094/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản lý và Ban Giám đốc
Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai ("Quỹ"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC
Phó Tổng Giám đốc

Vũ Xuân Biển
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0743-2018-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Thanh Hà
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2888-2015-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	**A. TÀI SẢN**		**1.785.041.650.120**	**1.737.179.746.253**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**729.338.359.818**	**817.829.120.984**
111	1. Tiền		6.838.359.818	13.329.120.984
112	2. Các khoản tương đương tiền		722.500.000.000	804.500.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư**	**4**	**1.035.890.975.692**	**900.670.070.721**
122	1. Cho vay		965.629.868.252	825.408.963.281
122a	*a. Cho vay*		*982.498.502.486*	*839.575.918.053*
122b	*b. Dự phòng rủi ro cho vay*		*(16.868.634.234)*	*(14.166.954.772)*
123	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		70.261.107.440	75.261.107.440
123b	*b. Đầu tư vào công ty liên kết*		*4.250.000.000*	*4.250.000.000*
123c	*c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*		*66.011.107.440*	*71.011.107.440*
130	**III. Các khoản phải thu**		**16.887.453.723**	**15.702.696.615**
131	1. Phải thu của khách hàng	5	16.709.698.665	15.558.744.945
131a	*a. Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay*		*10.699.060.665*	*10.115.311.945*
131d	*d. Phải thu phí hoạt động nhận ủy thác, phí quản lý hợp vốn*		*726.174.000*	*4.000.000*
131e	*e. Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác*		*5.284.464.000*	*5.439.433.000*
136	2. Phải thu khác	6	177.755.058	143.951.670
150	**V. Tài sản cố định**		**2.628.807.207**	**2.682.146.717**
151	1. Tài sản cố định hữu hình	7	2.628.807.207	2.672.396.709
152	*- Nguyên giá*		*5.929.609.247*	*6.152.044.447*
153	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(3.300.802.040)*	*(3.479.647.738)*
157	2. Tài sản cố định vô hình	8	-	9.750.008
158	*- Nguyên giá*		*240.982.000*	*240.982.000*
159	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(240.982.000)*	*(231.231.992)*
180	**VIII. Tài sản khác**		**296.053.680**	**295.711.216**
182	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		274.803.680	253.211.216
183	2. Chi phí trả trước		21.250.000	42.500.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
200	**B. NỢ PHẢI TRẢ**		**427.857.554.763**	**462.020.375.106**
210	**I. Nhận ủy thác, nhận hợp vốn cho vay**	**9**	**550.000.000**	-
214	1. Vốn nhận ủy thác ứng vốn		550.000.000	-
220	**II. Các khoản phải trả**		**10.825.544.108**	**15.678.013.413**
221	1. Phải trả người bán		7.108.450	3.014.000
223	2. Phải trả lãi, chi phí huy động vốn	10	2.459.306.846	3.085.477.846
224	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	11	229.613.687	1.247.334.619
225	4. Phải trả người lao động		822.800.000	840.000.000
229	5. Phải trả khác	12	6.531.842.344	9.532.471.919
232	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		774.872.781	969.715.029
240	**III. Vay và nợ thuê tài chính**	**13**	**416.482.010.655**	**446.342.361.693**
242	1. Nợ vay		416.482.010.655	446.342.361.693
300	**C. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**14**	**1.357.184.095.357**	**1.275.159.371.147**
310	**I. Vốn chủ sở hữu**		**1.357.184.095.357**	**1.275.159.371.147**
311	1. Vốn góp của chủ sở hữu		570.931.673.122	570.931.673.122
312	2. Vốn khác của chủ sở hữu		16.457.162.461	16.457.162.461
314	3. Quỹ đầu tư phát triển		612.283.172.590	548.696.540.113
315	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		73.880.598.974	66.636.888.254
316	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		83.631.488.210	72.437.107.197
316b	*- LNST chưa phân phối năm nay*		*83.631.488.210*	*72.437.107.197*
330	**Tổng cộng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu**		**1.785.041.650.120**	**1.737.179.746.253**

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Khả Phương Thu	Lê Thị Quỳnh Thu	Phan Trọng Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
01	**1. Thu nhập lãi thuần**	**16**	**85.637.676.618**	**79.361.744.885**
02	1.1. Doanh thu thuần lãi cho vay		105.462.334.940	96.733.150.045
03	1.2. Chi phí lãi vay, chi phí liên quan trực tiếp tới việc huy động vốn và các khoản chi phí hoạt động cho vay		19.824.658.322	17.371.405.160
07	**2. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ**	**17**	**1.949.251.172**	**1.777.927.778**
08	2.1. Doanh thu thuần từ hoạt động dịch vụ		1.957.934.644	1.784.180.822
09	2.2. Chi phí hoạt động dịch vụ		8.683.472	6.253.044
10	**3. Thu nhập thuần từ hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**	**18**	**16.515.010.000**	**9.818.926.800**
11	3.1. Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.515.010.000	9.818.926.800
16	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh**	**19**	**16.520.123.648**	**11.828.327.503**
17	**5. Thu nhập thuần khác**		**858.271.542**	**2.989.582.655**
18	5.1. Thu nhập thuần từ hoạt động khác	20	871.711.593	2.990.641.055
19	5.2. Chi phí khác		13.440.051	1.058.400
20	**6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro cho vay**		**88.440.085.684**	**82.119.854.615**
30	**7. Chi phí dự phòng rủi ro cho vay**	**21**	**2.701.679.462**	**7.615.621.532**
40	**8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**85.738.406.222**	**74.504.233.083**
50	**9. Chi phí thuế TNDN**	**22**	**2.106.918.012**	**2.067.125.886**
51	9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		2.106.918.012	2.067.125.886
60	**10. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**83.631.488.210**	**72.437.107.197**

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Khả Phương Thu	Lê Thị Quỳnh Thu	Phan Trọng Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
02	1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(3.565.038.733)	(2.340.181.477)
03	2. Tiền thu từ các khoản phí		1.424.426.000	2.202.845.000
04	3. Tiền chi cho vay		(267.842.803.853)	(274.207.379.483)
05	4. Tiền thu hồi gốc cho vay		124.920.219.420	155.365.032.716
06	5. Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi		104.673.033.220	91.870.730.433
07	6. Tiền thu từ đi vay		40.728.143.017	135.617.548.074
08	7. Tiền trả nợ gốc vay		(70.588.494.055)	(4.451.974.727)
09	8. Tiền lãi vay đã trả		(20.450.829.322)	(19.897.366.055)
10	9. Chênh lệch tiền thu hồi và chi trả lại vốn gốc, lãi cho vay của phần vốn nhận ủy thác, nhận hợp vốn cho vay		(4.112.120.000)	2.723.837.000
14	10. Chênh lệch tiền thu, chi nhận ủy thác ứng vốn		550.000.000	-
16	11. Tiền chi trả cho người lao động		(9.359.482.977)	(7.563.239.029)
17	12. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		546.654.890	2.862.896.412
18	13. Thuế TNDN đã nộp		(2.691.910.706)	(1.776.924.394)
19	14. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (i)		7.194.545.043	23.137.368.416
20	15. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (ii)		(12.403.017.210)	(26.712.227.681)
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(110.976.675.266)***	***76.830.965.205***
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
31	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác		(206.184.350)	(1.227.000.000)
32	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác		44.888.450	-
34	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.250.000.000	-
35	4. Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia		17.397.210.000	10.068.926.800
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***22.485.914.100***	***8.841.926.800***
60	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(88.490.761.166)**	**85.672.892.005**
70	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**817.829.120.984**	**732.156.228.979**
80	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**729.338.359.818**	**817.829.120.984**

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Khả Phương Thu	Lê Thị Quỳnh Thu	Phan Trọng Dũng